

EDGAR MORIN – NGƯỜI ĐI QUA NHỮNG BIÊN GIỚI TRI THỨC

CHÂN DUNG MỘT HOMO COMPLEXUS CỦA NƯỚC PHÁP ĐƯƠNG ĐẠI

Trần Lê Bảo Chân*

Ngày 29 tháng 5 năm 2026 đánh dấu ngày một nhà tư tưởng lớn, một trí thức Pháp dần thân đã rời bỏ thế giới sau hơn một thế kỷ hiện hữu. Edgar Morin – tên khai sinh Edgar Nahoum, sinh ngày 8 tháng 7 năm 1921 tại Paris – là một trong những triết gia, nhà nhân học, nhà xã hội học và trí thức nổi bật nhất của nước Pháp đương đại. Ông được biết đến như cha đẻ của thuyết tư duy phức hợp (*la pensée complexe*), người đã đi xuyên các ngành khoa học xã hội nhân văn để tìm kiếm sự hiểu biết toàn diện về con người và thế giới.

Với hơn 60 tác phẩm công bố, Morin đã để lại dấu ấn về tư tưởng sâu sắc của mình trong nhiều lĩnh vực: xã hội học, nhân học, truyền thông, giáo dục, sinh thái học và triết học. Ông là biểu tượng của trí thức dần thân, luôn đặt trí tuệ suy tư các vấn đề nổi bật của thời đại với tư tưởng thấm đậm tinh thần nhân văn sâu sắc.

Vào năm 2009, tôi có một trải nghiệm sâu sắc với tư tưởng của Morin khi thực hiện luận văn thạc sĩ chuyên ngành khoa học giáo dục: tôi đọc và nghiên cứu khá sâu lý thuyết của ông nhằm phục vụ cho đề tài nghiên cứu về giảng dạy Văn học theo phương pháp và tiếp cận xuyên ngành. Chính đây là giai đoạn tôi thật sự gặp gỡ với tư tưởng của ông và hiểu sâu sắc ý niệm bước đi trong “bóng tối của sự bất định”. Quả thật đó chính là hình ảnh của việc giảng dạy văn học theo lối truyền thống vốn quen với các ranh giới đơn ngành định sẵn: lịch sử văn học tách rời phê bình ngôn ngữ, bối cảnh xã hội tách rời tâm lý học hành vi. Đưa *Tư duy phức hợp* vào xây dựng chương trình dạy học nghĩa là chấp nhận phá bỏ thế giới quan phẳng lặng và tuyến tính. Giống như Morin nhìn thực tại như một *chaosmos* (hỗn loạn + trật tự), việc diễn giải một tác phẩm văn học Pháp lúc này không còn là đi tìm một thông điệp tuyến tính, mà là mở ra một hệ thống đối thoại xuyên ngành giữa lịch sử, triết học, sinh thái và nhân học văn hóa.

Từ người kháng chiến đến nhà nhân học

Edgar Morin sinh ra và lớn lên trong một gia đình Do Thái Sephardic gốc Thessaloniki (Hy Lạp), có nguồn gốc Ý cổ xưa. Cha ông là Vidal Nahoum, mẹ là bà Luna Beressi. Tuổi thơ ông đã sớm gắn liền với nỗi mất mát – mẹ ông qua đời khi ông mới 9 tuổi – và chịu ảnh hưởng của bối cảnh chính trị hỗn loạn của châu Âu những năm 1930.

Thời thanh niên, ông thoát đầu tham gia phong trào ủng hộ Cộng hòa Tây Ban Nha; và đã sớm tiếp cận với học thuyết chủ nghĩa Marx. Năm 1942, Chiến tranh Thế giới thứ II bùng nổ, ông gia nhập Kháng chiến Pháp, hoạt động bí mật và lấy họ “Morin” làm bí danh. Sau chiến tranh, có một giai đoạn ông từng là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp nhưng rời bỏ

* Giảng viên khoa Tiếng Khoa Tiếng Pháp, Đại Học Sư Phạm TP. Hồ Chí Minh

năm 1951 sau khi phê phán chủ nghĩa Stalin trong tác phẩm *Autocritique – Tự phê phán* (1959).

Sự nghiệp hàn lâm và học thuật của Morin gắn liền với École des Hautes Études en Sciences Sociales – EHESS (Trường Đào tạo Cao cấp Khoa học Xã hội) và Centre National de la Recherche Scientifique – CNRS (Trung Tâm Nghiên Cứu Khoa Học Quốc Gia). Ông từng có thời gian làm việc tại Mỹ Latinh và Viện nghiên cứu Salk (California) vào cuối những năm 1960, chính tại đây ông đã nghiên cứu và phát triển tư tưởng nhân học và chính những nghiên cứu và các cuộc thảo luận tại viện Salk (Salk Institute for Biological Studies) là khởi nguồn để Morin viết bộ tác phẩm *La Méthode*. Ông là nhà khoa học tiên phong trong nghiên cứu truyền thông – phim ảnh, văn hóa đại chúng – và nhân học thị giác (hợp tác với Jean Rouch trong phim *Chronique d'un été* năm 1961).

Trong hơn một thế kỷ sống và hoạt động học thuật, Edgar Morin duy trì một năng lực sáng tạo trí tuệ hiếm có: ông sống 105 năm và suy tư về thế giới không ngưng nghỉ cho đến những năm cuối đời. Một năm trước khi qua đời ông còn xuất bản cuốn sách mới và tiếp tục tham gia các tranh luận trên phát thanh và truyền hình Pháp về các vấn đề thời cuộc và những khủng hoảng toàn cầu.

1. Tư duy phức hợp

Tư tưởng trụ cột của Edgar Morin xoay quanh việc phê phán nguyên tắc đơn giản hóa (*principe de simplification*) của khoa học truyền thống: mọi cơ chế và phương pháp tiếp cận chia cắt, giản lược, loại trừ mâu thuẫn và bất định. Thay vào đó, ông đề xuất thuyết *Tư duy phức hợp* (la pensée complexe), hiện thân của cách nhìn nhận thực tại trong một hệ thống toàn vẹn, đa chiều, chứa đựng mâu thuẫn nội tại với những nguyên tắc nền tảng chính yếu:

- Nguyên tắc hệ thống (hologrammatic): Toàn thể nằm trong từng bộ phận, và ngược lại (mỗi bộ phận chứa thông tin di truyền của toàn thể).
- Nguyên tắc vòng lặp hồi quy (rétroactive/récursive): Hiệu ứng phản hồi, tự tổ chức.
- Nguyên tắc đối thoại (dialogic): Chấp nhận và duy trì mâu thuẫn (thứ tự - hỗn loạn, cái riêng - cái chung, tự chủ - phụ thuộc).
- Đưa chủ thể vào lại kiến thức: Kiến thức không tách rời khỏi người biết.
- Chấp nhận bất định và sai lầm: Kiến thức luôn tạm thời, không toàn tri.

Điểm then chốt không chỉ là phê phán nguyên tắc giản lược, mà là xây dựng một vòng lặp nhận thức trong đó tri thức vừa là sản phẩm vừa là quá trình tự tổ chức. Morin không dừng lại ở việc nhận thức “thực tại phức tạp”, ông còn chỉ ra rằng chính hành vi nhận thức cũng phải trở thành phức tạp – nghĩa là chấp nhận sai lầm, bất định và tính tự phản tư như điều kiện khả thể của khoa học, chứ không phải như khuyết điểm cần loại bỏ. Tác phẩm biểu tượng cho tư tưởng này là bộ *La Méthode* (6 tập, NXB Seuil) được xuất bản từ năm 1977 đến năm 2004:

Tập 1: La Nature de la Nature (Bản chất của Tự nhiên – 1977)

Tập 2: La Vie de la Vie (Sự sống của Sự sống – 1980)

Tập 3: La Connaissance de la Connaissance (Tri thức về tri thức – 1986)

Tập 4: Les Idées (Những Ý tưởng – 1991)

Tập 5: *L'Humanité de l'Humanité* (Tinh nhân loại của Nhân loại – 2001)

Tập 6: *Éthique* (Đạo đức – 2004)

Xuyên suốt *La Méthode*, Morin lấy cảm hứng từ các lý thuyết điều khiển học của Wiener, lý thuyết thông tin của Shannon, hệ thống mở, để làm cơ sở phản biện và phê phán chính những lý thuyết này bằng việc chỉ ra điểm yếu của chúng là “quá máy móc” hoặc “giản lược hoá”. Từ đó, ông xây dựng một hệ thống lý luận về *siêu hệ thống* liên kết vật lý - sinh học - xã hội - nhân văn. Hẳn nhiên, phải kể đến ở đây tác phẩm *Le Paradigme perdu: La nature humaine* (Mô thức bị mất: Bản tính con người) (1973, NXB Seuil) chính là tác phẩm bản lề làm tiền đề cho mọi tư tưởng về tư duy phức hợp của ông về sau. Đây cũng chính là tác phẩm đã đặt nền móng cho tư tưởng nhân học - xã hội học của Morin: xem con người là thực thể sinh học - văn hóa - xã hội không thể tách rời.

2. Lý thuyết gia xuyên ngành

Khi đặt bên cạnh những triết gia, nhà tư tưởng lớn của Pháp, Edgar Morin có thể được cho là gương mặt khá đặc biệt của giới trí thức Pháp những thế kỷ XX-XXI: Trong khi hầu hết các nhà tư tưởng nổi tiếng của Pháp đều theo một lĩnh vực cụ thể chuyên sâu (triết học hay nhân học hay xã hội học...), hoặc xây dựng hệ thống triết lý sắc bén, đơn ngành như Sartre (triết học hiện sinh), Foucault (tri thức & quyền lực – biopower/biopolitique), Derrida (giải cấu trúc ngôn ngữ), Deleuze (khái niệm), Bourdieu (xã hội học). Morin lại chọn con đường liên ngành một cách hệ thống và triệt để. Với cách đọc và kinh nghiệm nghiên cứu cá nhân, tôi muốn đề xuất đặt Morin bên cạnh ba tư tưởng lớn khác, mà tôi đã có dịp nghiên cứu trong nền kiến tạo tri thức và khoa học, để chúng ta nhận diện rõ hơn chân dung trí thức khác biệt của Edgar Morin trong quá trình phát triển các lý thuyết của ông, đó là triết gia René Descartes, triết gia Gilles Deleuze, nhà xã hội học Pierre Bourdieu.

Với Descartes:

Nếu phải tìm một người đối thoại quan trọng nhất với Edgar Morin trong lịch triết học phương Tây, có lẽ đó chính là René Descartes – người có lẽ là bậc thầy của tư duy phương pháp luận cho Morin. Không phải ngẫu nhiên mà Morin đặt tên bộ sách đồ sộ của mình là *La Méthode* – cùng nhan đề với tác phẩm nổi tiếng của Descartes. Đó vừa là sự đối thoại vừa là một phản biện triệt để.

Chúng ta đã biết, Descartes đã đặt nền móng phương pháp luận cho khoa học hiện đại bằng nguyên tắc phân tích: muốn hiểu một hiện tượng, cần chia nó thành những thành tố đơn giản để nghiên cứu. Từ đó hình thành một mô hình tư duy dựa trên sự phân tách: chủ thể và khách thể, tinh thần và vật chất, khoa học tự nhiên và khoa học nhân văn, trật tự và hỗn loạn. Phương pháp ấy đã đem lại những thành tựu vĩ đại cho khoa học hiện đại, nhưng theo Morin, nó cũng tạo ra một hệ quả đáng lưu ý: sự rời rạc của tri thức. Với Morin, “thế giới không phải là một cỗ máy có thể tháo rời thành từng bộ phận độc lập”. Con người đồng thời là thực thể sinh học, văn hóa, xã hội và tâm lý; xã hội vừa tạo ra cá nhân vừa được cá nhân tạo ra; trật tự luôn đồng tồn tại với hỗn loạn.

Nếu Descartes đi tìm một phương pháp dựa trên tính rõ ràng, phân biệt và chắc chắn, thì Morin lại xây dựng một phương pháp chấp nhận tính bất định, nghịch lý và tính liên kết của thực tại. Nói cách khác, Descartes đặt nền tảng cho tư duy giản lược của hiện đại; Morin

tìm cách khắc phục những giới hạn của chính truyền thống ấy bằng một tư duy phức hợp: “Tư duy phức hợp không khinh miệt sự đơn giản, nó phê phán sự đơn giản hoá”.¹

Với Deleuze:

Với Gilles Deleuze, Edgar Morin có một tương đồng lớn: vượt thoát khỏi tư duy giản lược và nhị nguyên của chủ nghĩa duy lý truyền thống. Tuy vậy, Edgar Morin và Gilles Deleuze đều là những triết gia tiếp cận thực tại phức hợp theo hai lối đi riêng biệt. Morin đi tìm câu trả lời trong lối tư duy phức hợp – tư tưởng vị tự tổ chức (La Méthode), vì vậy mà ông đóng vai trò như một người kết nối các mảnh ghép tri thức, cố gắng xây dựng một hệ thống tư duy tích hợp, nơi các yếu tố đối lập không triệt tiêu mà bổ sung cho nhau để hiểu về ý nghĩa, sự sống và xã hội.

Ở chiều kích khác, Gilles Deleuze không chủ ý xây dựng hệ thống mà mong muốn “giải lãnh thổ hoá” (deterritorialization). Triết học của Deleuze là triết học của sự trở thành (becoming) và tính dị biệt, được hình tượng hóa qua khái niệm “rễ chùm” (rhizome) – một mạng lưới không trung tâm, không khởi đầu hay kết thúc, liên tục biến đổi và tạo ra các kết nối mới. Trong khi Morin đi tìm một trật tự trong lòng sự phức hợp thông qua sự tự tổ chức, thì Deleuze lại tôn vinh dòng chảy hỗn mang mang tính kiến tạo, nơi bản sắc bị xóa nhòa để nhường chỗ cho những tiềm năng thuần túy. Từ đó, sự khác biệt cốt lõi trong hai tư tưởng này là khác biệt giữa tư duy về sự phức hợp mang tính hệ thống (Morin) và tư duy về sự đa dạng mang tính giải phóng (Deleuze).

Có thể phân tích sự phân nhánh trong tư duy của hai triết gia qua hai tác phẩm nền tảng của họ – một bên là *La logique du sens* (Logic của nghĩa) của Deleuze và *La connaissance de la connaissance* (Tri thức về tri thức) của Morin:

Với Morin, trong cuốn sách tập 3 thuộc bộ Phương pháp này, ông tạo ra một cuộc cách mạng về nhận thức luận thông qua mô hình phản tư: dùng tri thức để soi chiếu lại chính tri thức. Morin chỉ ra rằng tri thức không phải là một tấm gương phản chiếu khách quan thế giới, mà là một quá trình diễn giải và kiến tạo thực tại (Traduction et reconstruction) mang tính sinh học-văn hóa. Ông xây dựng một nền nhận thức luận phức hợp (Épistémologie complexe/complex epistemology), nơi chủ thể và khách thể liên tục tác động và kiến tạo lẫn nhau thông qua một vòng lặp hồi quy (Boucle sujet-objet).

Còn với Deleuze, trong *La logique du sens*, ông thực hiện một cuộc giải phẫu triết học để tách rời “nghĩa” (sens) ra khỏi các cấu trúc biểu đạt và định danh truyền thống. Deleuze kiến giải rằng “nghĩa” không sinh ra từ một chủ thể nhận thức có lý trí – tức là không phải là tri thức hệ thống – mà được sinh ra từ “sự kiện” (événement) và bề mặt (surface). Nó độc lập với cả chủ thể lẫn khách thể. Deleuze dùng văn chương để chứng minh rằng “nghĩa” nảy sinh từ những nghịch lý (Logique du paradoxe), từ những cấu trúc trống rỗng chứ không từ một hệ thống tri thức hoàn chỉnh. Như vậy, Morin đi tìm một logic của sự tự tổ chức nhận thức để

¹ Nguyên văn trong tiếng Pháp và trong trích dẫn đầy đủ: “La pensée complexe ne méprise pas ce qui est simple, elle critique la simplification. Pour autant, la complexité n’est pas l’envers de la simplification qu’elle n’élimine pas non plus : la complexité est l’union de la simplification et de la complexité”. Được trích dẫn trong **Morin, E., Ciurana, E.-R., Motta, R. D. (2003).** *Éduquer pour l’ère planétaire : la pensée complexe comme méthode d’apprentissage dans l’erreur et l’incertitude humaines*. Paris : Balland, tr. 74.

bao quát thực tại, Deleuze lại đi tìm một logic của sự tạo nghĩa phi-trung tâm, nơi cấu trúc bị đánh sập để nhường chỗ cho những nghịch lý tiên phong. Một bên (Morin) nỗ lực thiết lập một trật tự nhận thức mới có khả năng chung sống với sự bất định, còn một bên (Deleuze) giải phóng tư duy để nó tự do trượt trên những bề mặt của sự hỗn mang."

Với Bourdieu:

Giữa Edgar Morin và Pierre Bourdieu tồn tại một điểm chung quan trọng: cả hai đều phản đối cách nhìn giản lược về con người và xã hội. Tuy nhiên, hướng đi của họ hoàn toàn ngược nhau. Bourdieu xây dựng một trong những hệ thống lý thuyết xã hội học vững chắc nhất thế kỷ XX thông qua các khái niệm như *habitus* (bản thể hành động), *champ* (trường) và *capital* (vốn văn hóa, vốn xã hội, vốn biểu tượng), nhằm giải thích cách các cấu trúc xã hội tái sản xuất bất bình đẳng và định hình hành vi cá nhân. Trong khi đó, Morin cho rằng việc chỉ nhìn con người từ góc độ xã hội học là chưa đủ. Đối với ông, con người đồng thời là một thực thể sinh học, tâm lý, văn hóa, lịch sử và sinh thái. Chính vì thế, thay vì xây dựng một lý thuyết về xã hội, Morin cố gắng phát triển một lý thuyết về điều kiện con người (*condition humaine*) trong toàn bộ tính phức hợp của nó. Nếu Bourdieu đào sâu theo chiều dọc của xã hội học, Morin lại mở rộng theo chiều ngang giữa các ngành tri thức. Từ sinh học đến nhân học, từ khoa học tự nhiên đến triết học và giáo dục, ông không ngừng tìm kiếm những điểm giao cắt nhằm vượt qua các ranh giới học thuật truyền thống.

Ở khía cạnh này, Morin vượt lên khuôn khổ của xã hội học theo nghĩa truyền thống. Ông gần với hình ảnh của một nhà nhân học triết học hay một kiến trúc sư của tri thức hơn, người luôn cố gắng kết nối những gì khoa học hiện đại đã tách rời thành các chuyên ngành riêng biệt.

Không chỉ giới hạn trong triết học và xã hội học, tư tưởng của Morin còn mở rộng và đóng góp trong nhiều lĩnh vực. Trong tư tưởng của ông khái niệm *Terre-Patrie* (1993 – Trái Đất - Tổ Quốc, NXB Seuil) – vốn phản ánh ý thức “nhân loại chung một vận mệnh trước khủng hoảng sinh thái, chiến tranh, công nghệ”. Ông ủng hộ chủ nghĩa nhân văn hành tinh, phê phán chủ nghĩa tiêu dùng, chiến tranh và khủng hoảng đa chiều (*polycrisis*): “Sự ý thức về cộng đồng cùng chung vận mệnh trên Trái Đất phải là sự kiện trọng đại của thời đại chúng ta. Chúng ta liên đới với nhau trong và bởi chính hành tinh này. Đây là Trái Đất - Tổ Quốc của chúng ta”. Ở điểm này, chúng ta không nên nhầm hiểu khái niệm *Terre-Patrie* (Trái Đất – Tổ quốc) như một khẩu hiệu nhân đạo mơ hồ. Đó là một chuyển dịch căn bản về ý thức chính trị và đạo đức: từ tổ quốc quốc gia – biên giới, chủ quyền và xung đột – sang một cộng đồng vận mệnh hành tinh, nơi con người nhận ra rằng “chúng ta liên đới với nhau”. Trong bối cảnh hiện nay, khi các cuộc khủng hoảng khí hậu, chiến tranh, di cư và công nghệ số đan xen thành một mạng lưới không thể tháo rời, tư tưởng của Morin trở thành một yêu cầu nhận thức luận hơn là một lời kêu gọi đạo đức. *Terre-Patrie* đòi hỏi chúng ta học cách tư duy và hành động ở quy mô hành tinh, đồng thời chấp nhận rằng mọi quyết định địa phương đều mang theo hậu quả toàn cầu và ngược lại.

Ở lĩnh vực *Giáo dục*: Tư tưởng ông đặc biệt tiên bộ và mang tính dự báo tương lai với tác phẩm *Les Sept Savoirs nécessaires à l'éducation du futur* (1999, UNESCO) – *Bảy tri thức quan trọng cho giáo dục trong tương lai* – nhấn mạnh việc học cách đối mặt với bất định,

hiểu người khác, và nhận thức về tính nhân loại. Ông cho rằng giáo dục nên bao gồm cả việc giảng dạy về sự bất định, bởi lẽ “Chiến lược cũng như tri thức, giống như đi thuyền trên một đại dương đầy bất định qua những quần đảo của sự chắc chắn²”.

Về *Lịch sử và đạo đức*: Luôn nhấn mạnh bài học từ lịch sử, ký ức và khả năng hủy diệt của con người.

Trong lĩnh vực *Truyền thông và văn hóa*: nghiên cứu phim ảnh Hollywood, các ngôi sao điện ảnh, và vai trò của truyền thông trong xã hội hiện đại.

Khác với nhiều trí thức hậu hiện đại nghi ngờ chủ nghĩa nhân văn, Edgar Morin bảo vệ và cách tân chủ nghĩa nhân văn bằng cách thừa nhận con người như là Homo complexus – người phức hợp (sinh học-văn hóa-xã hội).

Một điểm khác biệt lớn ít được chú ý trong tư tưởng của Morin là vai trò của sai lầm. Trong khi truyền thống triết học phương Tây thường xem tri thức như hành trình tiến tới sự chắc chắn, nhiều nhà tư tưởng tên tuổi Pháp nổi tiếng như Sartre hay Foucault đều khẳng định tính chắc chắn của các lý thuyết của họ, Morin thì luôn nhấn mạnh “kiến thức luôn tạm thời, sai lầm là không thể tránh khỏi”. Ông liên tục sửa chữa các lý thuyết của mình và làm mới chúng. Ông cũng là một trí thức không theo chủ nghĩa cực đoan nào mà luôn tìm sự đối thoại (dialogic): trật tự ↔ hỗn loạn / cá nhân ↔ xã hội / khoa học ↔ nhân văn. Và như thế Morin tự nhận mình là người thuộc “tả phái” độc lập: kết hợp tinh thần tự do (vô chính phủ), công bằng xã hội (xã hội chủ nghĩa), tình huynh đệ (cộng sản) và sinh thái.

3. Homo complexus

Giữa hoài nghi và phê phán

Tuy nhiên, tầm nhìn “xuyên ngành” và hệ thống lý thuyết của Edgar Morin không phải lúc nào cũng nhận được sự đồng thuận hay tán dương từ giới chuyên gia và trí thức Pháp. Trái lại, chính sự tự do vượt qua các ranh giới chuyên ngành phần nào biến ông thành một “kẻ ngoại đạo” gây tranh cãi với nhiều nhà khoa học theo trường phái lý thuyết truyền thống. Trong số những tiếng nói phê phán mạnh mẽ nhất, phải kể đến Pierre Bourdieu và các nhà xã hội học thuộc trường phái cấu trúc. Họ phê phán Morin ở hai chiều kích sau:

Sự hoài nghi về tính “vô định” của Tư duy phức hợp: Từ góc nhìn của Bourdieu, xã hội học là một ngành khoa học nghiêm ngặt có nhiệm vụ bóc trần các cơ chế thống trị, các cấu trúc bất bình đẳng dựa trên các dữ liệu thực nghiệm và khái niệm sắc bén như *habitus* hay *trường*. Bourdieu và những người ủng hộ ông từng hoài nghi rằng lối tư duy phức hợp của Morin quá bao quát, có xu hướng “triết học hóa” mọi vấn đề và dễ rơi vào sự mơ hồ mang tính lý thuyết suông. Đối với họ, việc Morin đưa cả sinh học, vật lý và sinh thái vào để giải thích con người xã hội là một bước “đi ngược xã hội học truyền thống”, làm mờ nhòa đi tính chuyên sâu và độ chính xác cần có của một ngành khoa học độc lập.

Phê phán tính “bách khoa toàn thư kiểu cũ”: Một số nhà tư tưởng thậm chí còn gọi tư tưởng của Morin là một dạng “bách khoa toàn thư lãng mạn” – nơi tác giả cố gắng ôm đồm

² Nguyên văn trong tiếng Pháp: “La stratégie, comme la connaissance, demeure une navigation dans un océan d’incertitudes à travers des archipels de certitude.” trích từ *Les Sept Savoirs nécessaires à l’éducation du futur* (1999, UNESCO), tr.50.

quá nhiều thứ nhưng lại thiếu đi những công cụ thực chứng cụ thể để giải quyết các vấn đề xã hội trước mắt. Họ cho rằng, trong khi Bourdieu cung cấp những vũ khí lý luận sắc bén để đấu tranh xã hội trực diện, thì tư tưởng của Morin lại thiên về một kiểu nhân văn chủ nghĩa hành tinh có phần lý tưởng hóa. Đáp lại những phê phán này, Edgar Morin không hề phủ nhận giá trị của xã hội học thực chứng. Nhưng ông chỉ ra rằng, việc giới hạn nghiên cứu trong các tháp ngà đơn ngành sẽ khiến các nhà khoa học bị mù quáng trước những bức tranh toàn cảnh. Morin luôn luôn khẳng định rằng việc chấp nhận sai lầm và sự bất định không phải là sự yếu kém của khoa học, mà là đỉnh cao của một nền nhận thức luận trung thực.

Cuộc tranh luận ngầm giữa tinh thần cấu trúc nghiêm ngặt của Bourdieu và tư duy mở, tự tổ chức của Morin chính là một trong những chương tranh biện trí thức định hình nên diện mạo tư tưởng Pháp đương đại của thế kỷ XX.

Tiểu thuyết gia của ký ức và mất mát

Bên cạnh hình ảnh một nhà xã hội học, triết gia và lý thuyết gia khai sinh tư duy phức hợp, Edgar Morin còn là một nhà văn đích thực, người viết với giọng văn trữ tình, giàu cảm xúc và sâu sắc. Đây chắc hẳn là một khía cạnh tạo nên sự kinh ngạc cho độc giả Việt Nam hay là độc giả trên toàn thế giới. Phải chăng, đây chính là sự đối thoại nội tại trong con người ông – giữa hai con người trong cùng bản thể: Một Edgar Morin hàn lâm (CNRS, EHESS) phân tích và tư duy thế giới bằng lý trí sắc bén, và một Edgar Nahoum (tên khai sinh) viết nhiều bản thảo văn chương kể chuyện cuộc đời bằng tình cảm, những xúc cảm từ trái tim. Sự tương phản này tạo nên một *Homo complexus* bằng xương bằng thịt vừa biết đau đớn vừa biết tư duy. Ông đã viết trong *Le Paradigme perdu: La nature humaine*, con người là một sinh vật vừa có lý trí vừa điên rồ (Homo sapiens-demens), vừa thực tế vừa mơ mộng, vừa biết đau đớn vừa biết tư duy.

Các tác phẩm văn học ông sáng tác đa phần mang đậm tính tự truyện và tiểu thuyết hóa ký ức cá nhân. Trong một cuộc phỏng vấn trên đài truyền hình quốc gia Pháp vào năm 2017, Morin cho biết ông bắt đầu viết văn từ rất sớm, ngay từ những năm 1940, khi ông còn là một chàng thanh niên vừa sống qua chiến tranh và mất mát. Những tiểu thuyết của ông đều được viết trong giai đoạn tuổi trẻ, nhưng rồi các bản thảo vẫn luôn tồn tại ở dạng bản nháp và được ông cất kỹ trong ngăn kéo. Và ông chỉ bắt đầu công bố chúng muộn màng khi bước vào tuổi cao niên. Điều này, phải chăng, cũng đồng thời tạo nên đặc trưng riêng của Edgar Morin nhà văn: văn chương của ông là sự giao thoa giữa ký ức tuổi trẻ nồng nhiệt và cái nhìn phản tư – trưởng thành sâu lắng – của một người đã đi qua nhiều nỗi đau, của một trí thức đã đi xuyên qua cả thế kỷ.

Tác phẩm và giá trị

- *L'Île de Luna – Đảo của Luna* (2017, NXB Actes Sud): Đây là tác phẩm tiểu thuyết quan trọng nhất của ông trong đời viết văn. Văn bản như để vinh danh người mẹ ruột của ông – bà Luna Beressi – đã mất khi Morin chỉ mới hơn 9 tuổi. Được viết từ những năm 1940–1950 ngay sau chiến tranh. Bản thảo đã được cất giữ suốt 70 năm trước khi được xuất bản. Tác phẩm là một tiểu thuyết bán tự truyện, vừa là lời tưởng niệm tha thiết, vừa là tự sự giúp ông vượt qua nỗi đau lớn đầu tiên trong đời – một “Hiroshima nội tâm” – nỗi đau mất mẹ. Trải nghiệm mất mát quá lớn và quá sớm này trong một bối cảnh châu Âu hỗn loạn về chính

trị lịch sử những năm đầu thế kỷ XX có lẽ đã tạo nên dấu ấn mạnh mẽ trong thế giới quan bằng phẳng của cậu bé Edgar. Và có lẽ chính sự đổ vỡ này đã góp phần hình thành nơi ông một cảm thức sâu sắc về thế giới vốn không vận hành theo những quy luật tuyến tính mà ẩn chứa đầy biến động và bất định. Cuốn tiểu thuyết được sáng tác dựa trên sự kết hợp yếu tố hư cấu và ký ức cá nhân, bối cảnh lịch sử và câu chuyện hư cấu tạo nên không gian trữ tình đầy xúc động.

- *L'Année a perdu son printemps – Năm ấy mất đi mùa xuân* (2024, NXB Denoel): Tiểu thuyết tự truyện được viết năm 1946 (khi Morin 25 tuổi) trên phông nền của nước Đức hậu chiến. Tuy nhiên bản thảo đã bị bỏ dở và thất lạc, rồi biên tập viên của nhà xuất bản đã cố gắng nhặt nhạnh gom tụ những bản viết của Morin, rồi sau đó xuất bản vào năm ông đã 103 tuổi. Nhân vật chính Albert Mercier có nhiều nét tương đồng với chính Morin ngoài đời thật, và được xây dựng như một chân dung hoán dụ của Morin. Việc xuất bản cuốn sách này đã tạo nên một cơn sốt văn học lớn tại Pháp vào năm 2024 vì cuốn tiểu thuyết trở thành hiện tượng – một sử liệu văn chương lưu giữ nguyên vẹn hơi thở nồng nhiệt đầy hoang mang của một chàng thanh niên 25 tuổi ở thời điểm “năm số 0 của nước Đức”.

- *Les souvenirs viennent à ma rencontre – Những kỷ niệm tôi tìm về* (2019, NXB Fayard): Cuốn tự truyện / hồi ký dày hơn 700 trang, được cho là bản di chúc tinh thần và ký ức trọn vẹn nhất được viết khi ông 98 tuổi. Những ký ức không theo trình tự thời gian tuyến tính mà “đến gặp ông” một cách tự do, đan xen giữa đại lịch sử (Chiến tranh Thế giới, Kháng chiến, chủ nghĩa cộng sản, khủng hoảng hiện đại) và lịch sử cá nhân (tình yêu, tình bạn, nỗi đau, hy vọng).

- *Vidal et les siens – Ông Vidal và dòng họ* (1989, NXB Seuil): Một cuốn “tiểu thuyết lịch sử gia đình” viết về người cha Vidal Nahoum và dòng họ Sephardic gốc Thessaloniki bên nội của ông. Tác phẩm đã vẽ ra một bức tranh toàn cảnh, một chân dung sống động về một gia đình Do Thái di cư, đã sống xuyên qua những thăng trầm của lịch sử thế kỷ XX. Truyện vừa mang tính sử liệu, vừa giàu chất văn chương dưới ngòi bút của Morin.

Văn phong của Morin, khi viết tác phẩm văn học, mang đậm chất nhân văn, giàu hình ảnh và suy tư triết lý. Ông không viết tiểu thuyết thuần túy hư cấu mà pha trộn giữa tự truyện và hư cấu – một kiểu tự sự thường biến ký ức và trải nghiệm cá nhân thành chất liệu để khám phá bản chất con người: nỗi đau mất mát, khát khao yêu thương, sự phức tạp của ký ức và hành trình trưởng thành. Những tác phẩm tự truyện và tiểu thuyết của ông bổ sung một chiều kích quan trọng cho toàn bộ sự nghiệp trí tuệ: đằng sau nhà tư tưởng phức hợp là một con người đầy cảm xúc, từng chịu tổn thương sâu sắc từ tuổi thơ và luôn tìm cách chuyển hóa nỗi đau ấy thành hiểu biết và yêu thương.

Dường như, văn chương giúp Morin trở thành con người gần gũi và giản dị, không chỉ là một trí thức trong tháp ngà học thuật, ông còn là chứng nhân sống động của thế kỷ XX–XXI. Ông từng nói rằng mình không theo đuổi “sự nghiệp” mà theo một “cuộc đời”. Và qua các tác phẩm văn học, người đọc thấy rõ nhất “cuộc đời” ấy – với tất cả bi kịch, hy vọng, tổn thương, mất mát trong chiều sâu nhân văn.

4. Một di sản tư tưởng

Trong toàn bộ tư tưởng của Edgar Morin, hai khái niệm *polycrisis* (đa khủng hoảng) và *Terre-Patrie* ngày càng lộ rõ tính thời sự sắc bén. Chúng không mang tính dự báo ở chiều kích công nghệ hay kinh tế đơn thuần, chúng đòi hỏi ta tư duy thực tại trong chuỗi phức hợp: không nhìn khủng hoảng như một chuỗi sự kiện tách biệt mà như một hệ thống các cuộc khủng hoảng tương tác và khuếch đại lẫn nhau – khủng hoảng khí hậu, khủng hoảng địa chính trị, khủng hoảng dân chủ, khủng hoảng công nghệ, khủng hoảng ý nghĩa. Đó chính là *polycrisis*: một trạng thái trong đó các cuộc khủng hoảng không cộng dồn theo tuyến tính, mà tạo ra những vòng phản hồi bất định, khiến mọi giải pháp đơn ngành trở nên bất lực. Tư duy phức hợp của ông, với các nguyên tắc đối thoại, hồi quy và hệ thống, cung cấp một khung nhận thức để không chỉ dừng lại ở mô tả mà để tìm thấy giải pháp sống cùng sự bất định ấy.

Khi Edgar Morin ra đi vào ngày cuối tháng 5 năm 2026, thế giới mất đi một trí thức bách khoa toàn thư cuối cùng của thế kỷ XXI. Nhưng sự biến mất đi ấy là sự biến mất của một cơ thể sinh học; còn cấu trúc tư duy phức hợp, lời kêu gọi về một “Trái đất - Tổ quốc” hay “Bảy tri thức quan trọng cho giáo dục trong tương lai” cũng như tinh thần nhân văn và tình thương nhân loại của ông vẫn ở lại. Giống như tinh thần của Montaigne, triết gia mà ông tôn thờ: “Mọi con người đều là đồng hương của tôi”. Những tư tưởng đó của Morin trở thành di sản không chỉ bởi vì ông đã “đứng trước thời đại”, mà còn bởi vì ông đã chỉ ra một lộ trình cho nhận thức: chỉ khi con người chấp nhận tính phức hợp và bất định của *polycrisis*, chúng ta mới có thể xây dựng một ý thức *Terre-Patrie* thực thụ – không phải như một lý tưởng trừu tượng, mà như một điều kiện sống còn của loài người trên hành tinh này. Ông đã sống một cuộc đời trọn vẹn – một cuộc đời di chuyển xuyên qua những biến cố, khủng hoảng để nhóm lên niềm hy vọng rằng con người chúng ta sẽ học được cách sống với sự phức tạp của thế giới để cứu lấy tương lai chung của nhân loại: “Chúng ta phải học cách “ở đây” trên Trái đất này. Học cách ở đây nghĩa là học cách chia sẻ, học cách giao tiếp, học cách cộng hưởng”.³

Danh mục tham khảo:

- Descartes, R. (1637). *Discours de la méthode*. Leyde.
- Deleuze, G. (1969). *La Logique du sens*. Paris: Éditions de Minuit.
- Morin, E. (1973). *Le Paradigme perdu: la nature humaine*. Paris: Éditions du Seuil.
- Morin, E. (1986). *La Méthode, t. 3: La Connaissance de la Connaissance*. Paris: Éditions du Seuil.
- Morin, E. (2008). *Terre-Patrie* (avec Anne-Brigitte Kern). Paris: Éditions du Seuil.
- Morin, E. (1999). *Les Sept Savoirs nécessaires à l'éducation du futur*. Paris: UNESCO.
- **Morin, E., Ciurana, E.-R., Motta, R. D. (2003). *Éduquer pour l'ère planétaire : la pensée complexe comme méthode d'apprentissage dans l'erreur et l'incertitude humaines*. Paris : Balland.**
- Edgar Morin (2008). *Bảy tri thức nền tảng cho giáo dục tương lai* (Phương Ngọc dịch). Hà Nội: NXB Tri thức.

³ “Nous devons apprendre à 'être-là' sur la Terre. Apprendre à être-là, cela signifie apprendre à partager, apprendre à communiquer, apprendre à communier”. In E. Morin, *Les sept savoirs nécessaires à l'éducation du futur*.

- Edgar Morin (2011). *Phương pháp 1: Bản chất của tự nhiên* (Chu Tiên Ánh dịch). Hà Nội: NXB Tri thức.